TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/10/2019
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Ph- ơng Lan**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Th□ ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán—** Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim D,** sinh năm 1976
Địa chỉ: Số nhà 1005, tổ 15, ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh K.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Việt T**, sinh năm 1971
Địa chỉ: Số nhà 1005, tổ 15, ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh K.
(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2019 của nguyên đơn Võ Thị Kim D, bản tự khai của các đ- ơng sự, biên bản hòa giải ngày 20/6/2019, vụ án có nội dung nh- sau:

Vào năm 1992, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ợc sự đồng ý của gia đình hai bên, bà Võ Thị Kim D cùng ông Nguyễn Việt T tổ chức lễ c- ới vào ngày 28/10/1992 âm lịch, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông, bà có hai người con chung tên Nguyễn Việt T, sinh ngày 07/12/1996 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/10/2002 đang chung sống một nhà với ông, bà; có tài sản chung là diện tích đất lúa 6.700m^2 thuộc tờ bản đồ số 8, thửa đất số 344, tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh K đang do ông, bà đang trực tiếp canh tác; không có nợ chung. Sau khi kết hôn với nhau, cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông T hạnh phúc, nhưng 03 năm nay thì ông, bà thường xảy ra

cãi vã, ông T thường hành hung bà D nên tuy sống chung một nhà nhưng ông, bà không có quan hệ vợ chồng. Năm 2016, bà D đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhưng vì cháu N còn nhỏ nên bà D rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Bà Võ Thị Kim D yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với ông Nguyễn Việt T.

- Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Yến N, cháu Nhi yêu cầu được ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu N yêu cầu được ở với bà D thì bà D nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Nguyễn Việt T đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2019, bà D yêu cầu Tòa án chia đôi cho bà D và ông T diện tích đất lúa nêu trên, nay bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, để bà và ông T tự giải quyết.

- Về nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Việt T không đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Kim D với lý do ông còn thương vợ con; về quan hệ con chung thì ông đồng ý với ý kiến của bà D, nếu cháu N yêu cầu được ở với ông T thì ông T nuôi dưỡng và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con; ông T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Kim D, ông Nguyễn Việt T vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 1992, bà Võ Thị Kim D và ông Nguyễn Việt T thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 10/5/2019, bà D có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với ông T cư trú tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh K và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung giữa bà D và ông T nên Tòa án thụ lý vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn". Tại phiên hòa giải ngày 20/6/2019 cũng như tại phiên tòa, bà D tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim D:

2.1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim D và ông Nguyễn Việt T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c- ới vào năm 1992 nh- ng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Võ Thị Kim D và ông Nguyễn Việt T là hôn nhân không hợp pháp. Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Võ

Thị Kim D và ông Nguyễn Việt T là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà Võ Thị Kim D và ông Nguyễn Việt T tự nguyện xác định là ông, bà có hai ng- ời con chung là Nguyễn Việt T, sinh ngày 07/12/1996 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/10/2002.

Xét rằng: Ngày 20/6/2019, cháu Nguyễn Yến N có nguyện vọng xin được ở với cha khi cha, mẹ ly hôn (BL 27) nên Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu N, buộc bà Võ Thị Kim D phải giao cháu Nguyễn Yến N cho ông Nguyễn Việt T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp d- ỡng nuôi con: Do ông Nguyễn Việt T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Ng- ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng- ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr- ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng- ời con, các đ- ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d- ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Do bà Võ Thị Kim D đã tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà D; nếu có tranh chấp về sau, bà D, ông T có thể khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2.5. Về nợ chung: Do bà Võ Thị Kim D và ông Nguyễn Việt T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Kim D.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Bà Võ Thị Kim D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm bà Võ Thị Kim D phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Võ Thị Kim D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009768, ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Võ Thị Kim D không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Việt T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Võ Thị Kim D và ông Nguyễn Việt T là quan hệ vợ chồng.

2- Về con chung: Buộc bà Võ Thị Kim D phải giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/10/2002 cho ông Nguyễn Việt T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cho đến khi cháu Yến N tròn 18 tuổi.

3- Về cấp d- ỡng nuôi con: Do ông Nguyễn Việt T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung: Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị Kim D; nếu có tranh chấp về sau, bà Võ Thị Kim D, ông Nguyễn Việt T có thể khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5- Về nợ chung: Do bà Võ Thị Kim D và ông Nguyễn Việt T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

6- Về án phí: Bà Võ Thị Kim D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm bà Võ Thị Kim D phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Võ Thị Kim D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009768, ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Võ Thị Kim D không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Việt T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/10/2019), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng